

Số: **185** /BC-UBND

Bình Định, ngày **01** tháng **12** năm 2017

BÁO CÁO

Về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2017

Kính gửi: Cục Kiểm soát thủ tục hành chính – Văn phòng Chính phủ.

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Đánh giá tác động quy định TTHC

Trong năm 2017, các cơ quan chủ trì soạn thảo VBQPPL đã thực hiện đánh giá tác động 23 TTHC tại 23 dự thảo VBQPPL liên quan TTHC.

(Biểu số 01b/BTP/KSTT/KTTH tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này).

2. Tham gia ý kiến đối với dự thảo VBQPPL có quy định về TTHC

Trong năm 2017, cơ quan chuyên môn có chức năng của tỉnh đã tham gia ý kiến đối với 61 dự thảo VBQPPL; trong đó, 23 VBQPPL có liên quan thủ tục hành chính.

(Biểu số 02b/BTP/KSTT/KTTH tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này).

3. Tham gia thẩm định quy định TTHC tại dự án, dự thảo VBQPPL

Trong năm 2017, cùng với việc tham gia ý kiến, thẩm định các dự thảo VBQPPL nêu trên, cơ quan chuyên môn có chức năng của tỉnh đã tiến hành thẩm định 23 dự thảo VBQPPL có liên quan TTHC.

(Biểu số 03c/BTP/KSTT/KTTH tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này).

4. Về công bố, công khai, nhập dữ liệu TTHC vào CSDLQG

Trong năm 2017, Chủ tịch UBND tỉnh đã công bố 27 Quyết định với 1.182 TTHC (trong đó mới ban hành 647 TTHC; sửa đổi, bổ sung, thay thế 62 TTHC và bãi bỏ 473 TTHC) thuộc phạm vi chức năng quản lý của các cơ quan, đơn vị: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch, Sở Giao thông vận tải, Sở Tư pháp, Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Ban Dân tộc; đồng thời, công khai các TTHC đã được công bố trên cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC để người dân và doanh nghiệp biết, thực hiện.

(Biểu số 04b/BTP/KSTT/KTTH tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này).

5. Về rà soát, đơn giản hóa TTHC

Ngày 25/01/2017, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 268/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2017 trên địa bàn tỉnh; đến nay Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Xây dựng đang trình UBND tỉnh các phương án đơn giản hóa; đối với Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Giao thông và vận tải; Sở Kế hoạch và Đầu tư, trong quá trình rà soát và đánh giá các TTHC, đơn vị nhận thấy các thủ tục hành chính hiện hành thuộc chức năng giải quyết của Sở vẫn phù hợp với thẩm quyền quản lý, giải quyết công việc liên quan các tổ chức, cá nhân.

(Biểu số 05b/BTP/KSTT/KTTH tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này).

6. Về tình hình, kết quả giải quyết TTHC

Biểu số 07đ/BTP/KSTT/KTTH, 07g/BTP/KSTT/KTTH tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này.

7. Về tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về TTHC

Trong năm 2017, việc phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính chưa thấy phát sinh; chưa thấy có trường hợp nào phản ánh, kiến nghị về TTHC tại địa phương.

(Biểu số 06b/BTP/KSTT/KTTH tại Phụ lục kèm theo Báo cáo này)

8. Về công tác thanh tra, kiểm tra

Phối hợp với các cơ quan liên ngành tiến hành kiểm tra hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính tại một số cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, qua đó đã kịp thời đề nghị chấn chỉnh những sai sót mà phần đông cơ quan, đơn vị trong tỉnh thường gặp phải, như: Việc cập nhật các quy định về TTHC chưa kịp thời, chưa thường xuyên bổ sung, thay thế các thủ tục hành chính công khai đã được công bố.

9. Về công tác tổ chức đối thoại với doanh nghiệp

Triển khai thực hiện đảm bảo lịch trình, tập trung những vấn đề bức xúc của người dân, doanh nghiệp, những vấn đề nóng bỏng mang tính thời sự, để triển khai đảm bảo các chủ trương, chính sách hoặc các văn bản quy phạm pháp luật quy định, hướng dẫn liên quan lĩnh vực ngành sắp có hiệu lực; các sở, ban, ngành trong tỉnh đã chủ động cùng với Đài phát thanh và Truyền hình địa phương phối hợp tham gia thực hiện Chuyên mục Công dân hỏi – Giám đốc Sở trả lời.

Hàng năm, hàng quý, UBND tỉnh luôn chú trọng, thường xuyên triển khai tổ chức đối thoại với các doanh nghiệp. Qua đó, Lãnh đạo UBND tỉnh đã trực tiếp lắng nghe, giải đáp cởi mở và tăng cường các giải pháp hữu hiệu, giải quyết, xử lý kịp thời những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp nhằm bảo đảm quyền, lợi ích chính đáng cho tổ chức, cá nhân, đồng thời tạo động lực thu hút đầu tư, tập trung sản xuất, kinh doanh góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thường xuyên theo dõi, đôn đốc và chỉ đạo các cấp, ngành trong tỉnh thực hiện việc tổ chức đối thoại giữa người đứng đầu cơ quan, đơn vị với người dân,

doanh nghiệp đúng theo tinh thần Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 10/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch của UBND tỉnh.

10. Về công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

Với tinh thần chung tay cải cách thủ tục hành chính, UBND tỉnh luôn quan tâm và chỉ đạo kịp thời việc cập nhật, đăng tải thông tin và các văn bản chỉ đạo điều hành hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử của cơ quan chủ quản hoạt động kiểm soát TTHC để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân biết và thực hiện một cách công khai, minh bạch. Đồng thời, có sự chỉ đạo phối hợp trong công tác cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính nhằm nâng cao mức độ hài lòng cho người dân, doanh nghiệp, tạo chuyển biến tích cực, tăng chỉ số PAPI và PCI. Bên cạnh đó, xây dựng chuyên mục phát trên kênh truyền hình địa phương, thực hiện quảng bá hình ảnh người tốt, việc tốt trong công tác giải quyết TTHC thông thường và giải quyết TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả. Đồng thời, phản ánh và phê phán nhằm ngăn ngừa những công chức, viên chức có biểu hiện tiềm ẩn dễ phát sinh tiêu cực trong quá trình giải quyết TTHC.

11. Việc nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC

Hiện tại, các cơ quan, đơn vị chủ trì đăng ký rà soát tiếp tục tiến hành rà soát, đánh giá các TTHC để xây dựng phương án đơn giản hóa TTHC theo kế hoạch.

12. Phương án đơn giản hóa TTHC đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt giai đoạn 2007 – 2010

Đã hoàn thành các phương án đơn giản hóa TTHC được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cơ sở kết quả rà soát của Đề án đơn giản hóa TTHC giai đoạn 2007-2010.

13. Nội dung khác

- UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, đồng thời thông tin về kết quả hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính: Quyết định số 4794/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động kiểm soát TTHC năm 2017 trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 25/01/2016 về việc phê duyệt Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2017 trên địa bàn tỉnh; Báo cáo số 17/BC-UBND ngày 02/3/2016 về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát TTHC năm 2016 (chính thức) trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 3790/QĐ-UBND ngày 12/10/2017 về phê duyệt Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 4328/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 phê duyệt bổ sung Danh mục chế độ báo cáo định kỳ thực hiện trên địa bàn tỉnh (giai đoạn 2); Quyết định số 3935/QĐ-UBND ngày 23/10/2017 về việc chuyển giao Phòng kiểm soát TTHC thuộc Sở Tư pháp về Văn phòng UBND tỉnh; tham gia ý kiến về hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định quy định chế độ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước và một số văn bản có liên quan đến hoạt động kiểm soát TTHC.

- Tăng cường việc công bố thủ tục hành chính trên tất cả lĩnh vực quản lý nhà nước theo danh mục thủ tục hành chính đã được các bộ, ngành chuẩn hóa và công bố.

- Tham gia đầy đủ và đúng thành phần theo Giấy mời của Văn phòng Chính phủ về tổ chức tập huấn nghiệp vụ năm 2017 tại thành phố Đà Lạt.

- Áp dụng tiêu chuẩn ISO, ứng dụng công nghệ thông tin và các giải pháp quản lý khoa học trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước ngày càng được mở rộng và có kết quả rõ nét, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính của tỉnh.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhìn chung, trong năm 2017, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã triển khai thực hiện đảm bảo tiến độ theo kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính. Tập trung công bố TTHC theo các quyết định công bố của bộ, ngành trung ương; công bố, công khai, minh bạch các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính. Bên cạnh đó, công tác rà soát, đánh giá TTHC cũng được chú trọng nhằm đưa ra các phương án đơn giản hóa TTHC theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch đã được địa phương xây dựng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2018

- Xây dựng và thực hiện đảm bảo hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính theo Kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018 và Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2018.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống tổ chức cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC 3 cấp trong tỉnh.

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính.

- Theo dõi, đôn đốc việc xây dựng quyết định công bố và công khai TTHC tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp tiếp nhận, giải quyết TTHC.

- Vận hành và khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

- Rà soát, đánh giá TTHC.

- Vận hành và khai thác hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.

- Kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC.

- Rà soát, đề xuất xây dựng phương án đơn giản hóa TTHC; đánh giá tác động đối với TTHC trong các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC.

- Tăng cường truyền thông công tác kiểm soát TTHC.

- Thực hiện chế độ báo cáo về tình hình, kết quả hoạt động kiểm soát TTHC.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan công tác kiểm soát TTHC.

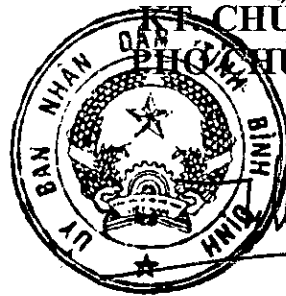
- Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan công tác kiểm soát TTHC theo yêu cầu của Cục Kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng Chính phủ.

Trên đây là báo cáo về tình hình và kết quả thực hiện hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2017, UBND tỉnh Bình Định báo cáo Cục Kiểm soát thủ tục hành chính – Văn phòng Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Như trên (B/c);
- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND cấp huyện;
- Lưu: VT, P.KSTTHC/C.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Trần Châu

Biểu số 01b/BTP/KSTT/KTTH
Ban hành theo Thông tư số
05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014.
Ngày nhận báo cáo (BC):

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG
QUY ĐỊNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)
TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Bình Định
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Kiểm soát TTHC

Kỳ báo cáo: năm 2017
(Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/10/2017)

Đơn vị tính: TTHC, Văn bản

TT	Đơn vị thực hiện	Tổng số		Phân loại theo tên văn bản QPPL				Phân loại về nội dung		
				Quyết định của UBND		Chỉ thị của UBND		Số TTHC dự kiến/ được quy định mới	Số TTHC dự kiến/ được sửa đổi, bổ sung	Số TTHC dự kiến/ được bãi bỏ, hủy bỏ
		Số TTHC	Số VBQPPL	Số TTHC	Số VBQPPL	Số TTHC	Số VBQPPL			
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
I	Kết quả đánh giá tác động TTHC trong Dự thảo văn bản QPPL									
	Tổng số	23	23	23	23	0	0	0	22	1
II	Số văn bản QPPL có quy định về TTHC được ban hành									
	Tổng số	23	23	23	23	0	0	0	22	1

* Ghi chú: Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm lần 1):

Mục I, Mục II: Cột 1: 4,6; Cột 2: 4,6.

Người lập biểu

Châu

Nguyễn Thị Kim Châu

Quy Nhơn, ngày 01 tháng 12 năm 2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Châu

Biểu số 02b/BTP/KSTT/KTTH

Ban hành theo Thông tư số
05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014.

Ngày nhận báo cáo (BC):

**KẾT QUẢ THAM GIA Ý KIẾN VỀ THỦ TỤC HÀNH
CHÍNH (TTHC) QUY ĐỊNH TRONG CÁC DỰ THẢO
VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT (VBQPPL)
TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: năm 2017

(Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/10/2017)

Đơn vị báo cáo:

UBND tỉnh Bình Định

Đơn vị nhận báo cáo:

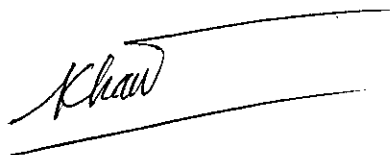
Cục Kiểm soát TTHC

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số		Phân loại theo tên VBQPPL			
				Quyết định của UBND		Chỉ thị của UBND	
		Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số	23	23	23	23	0	0

* Ghi chú: Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm lần 1): Cột 1: 4,6; Cột 2: 4,6.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Châu

Quy Nhơn, ngày 01 tháng 12 năm 2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Châu

Biểu số 03c/BTP/KSTT/KTTH
Ban hành theo Thông tư số
05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014.

**KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH VỀ TTHC QUY ĐỊNH
TRONG CÁC DỰ ÁN/ DỰ THẢO VBQPPL TẠI ĐỊA
PHƯƠNG**
Kỳ báo cáo: năm 2017
(Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/10/2017)

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Bình Định
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Kiểm soát TTHC

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Tổng số		Phân loại theo tên VBQPPL			
				Dự thảo Quyết định		Dự thảo Chỉ thị	
		Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL	Số TTHC	Số VB QPPL
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tổng số	23	23	23	23	0	0

* Ghi chú: Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm lần 1): Cột 1: 4,6; Cột2: 4,6

Người lập biểu

Khau

Nguyễn Thị Kim Châu

Quy Nhơn, ngày 01 tháng 12 năm 2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Châu

Biểu số 04b/BTP/KSTT/KTTH
Ban hành theo Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014.
Ngày nhận báo cáo (BC):

**SỐ TTHC, VBQPPL ĐƯỢC CÔNG BỐ,
CÔNG KHAI TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Bình Định
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Kiểm soát TTHC

Kỳ báo cáo: Năm 2017

(Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/10/2017)

Đơn vị tính: TTHC, văn bản

STT	Đơn vị thực hiện	Số lượng quyết định công bố đã ban hành	Số VBQPPL, TTHC được công bố					Số lượng văn bản đề nghị mở công khai/ không công khai	Số VBQPPL, TTHC đề nghị công khai/không công khai			
			Số VBQPPL	Số TTHC					VBQPPL		TTHC	
				Tổng số	Chia ra				Ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung (Công khai)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (Không công khai)	Quy định mới; được sửa đổi bổ sung (Công khai)	Hủy bỏ hoặc bãi bỏ (Không công khai)
					Số TTHC quy định mới	Số TTHC được sửa đổi, bổ sung	Số TTHC hủy bỏ, bãi bỏ					
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Tổng số	27	0	1182	647	62	473	23	0	0	427	473
1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4	0	62	30	2	30	2	0	0	32	30
2	Sở Y tế	2	0	130	74	0	56	2	0	0	74	56
3	Sở Tài chính	1	0	21	21	0	0	1	0	0	21	0
4	Sở Lao động-Thương binh và Xã hội	4	0	33	30	0	3	4	0	0	30	3
5	Sở Tư pháp	4	0	118	40	39	39	3	0	0	79	39

6	Sở Văn hóa và Thể thao	1	0	171	97	0	74	1	0	0	97	74
7	Sở Du lịch	1	0	17	17	0	0	1	0	0	17	0
8	Sở Giao thông vận tải	2	0	12	1	8	3	2	0	0	9	3
9	Ban Quản lý Khu Kinh tế	2	0	30	16	0	14	2	0	0	16	14
10	Ban Dân tộc tỉnh	1	0	2	2	0	0	1	0	0	2	0
11	Sở Công Thương	2	0	25	9	12	4	2	0	0	21	4
12	Sở Kế hoạch và Đầu tư	1	0	482	282	0	200	0	0	0	0	200
13	Sở Thông tin và Truyền thông	1	0	2	1	1	0	1	0	0	2	0
14	Sở Tài nguyên và Môi trường	1	0	77	27	0	50	1	0	0	27	50

* **Ghi chú:** Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo (đối với báo cáo năm lần 1):

Cột 2: 0; Cột 3: 236,4; Cột 8: 0; Cột 10: 85

Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Châu

Quy Nhơn, ngày 04 tháng 12 năm 2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

ĐẠI HỮU CHỦ TỊCH



Trần Châu

Biểu số 05b/BTP/KSTT/KTTH

Ban hành theo Thông tư số
05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014.

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Năm 2017

(Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/10/2017)

Đơn vị báo cáo:

UBND tỉnh Bình Định

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Kiểm soát TTHC

Đơn vị tính: TTHC/nhóm TTHC, văn bản

STT	Tên TTHC hoặc tên nhóm TTHC trong Kế hoạch rà soát	Phương án rà soát thuộc thẩm quyền					Phương án rà soát đề xuất, kiến nghị					Đạt tỉ lệ đơn giản hóa
		Số lượng VB	Số TTHC				Số lượng VB	Số TTHC				
			Tổng số	Chia ra				Tổng số	Chia ra			
				Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới	Số TTHC cắt giảm			Số TTHC sửa đổi	Số TTHC quy định mới	Số TTHC cắt giảm	
	A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Tổng số											
I	Thực hiện theo Kế hoạch rà soát của UBND cấp tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Tổng số											
II	Thực hiện theo Kế hoạch rà soát của TTgCP	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
	Tổng số											
1	Thủ tục/nhóm TT											

* Ghi chú: Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo (đối với báo cáo năm lần 1):

- Mục I: Cột 1: 0; Cột 2: 0; Cột 6: 0; Cột 7: 0; Cột 11: 0;

Người lập biểu



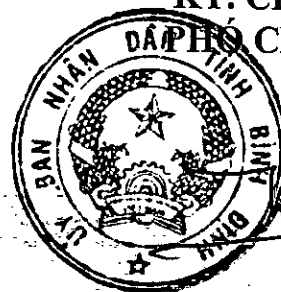
Nguyễn Thị Kim Châu

Quy Nhơn, ngày 01 tháng 12 năm 2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

ĐẠI PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Châu

Biểu số 06b/BTP/KSTT/KTTH
Ban hành theo Thông tư số
05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014.
Ngày nhận báo cáo (BC):

**KẾT QUẢ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ
PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH**
Kỳ báo cáo: **năm 2017**
(Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/10/2017)

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Bình Định
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Kiểm soát TTHC

Đơn vị tính: Số phản ánh, kiến nghị

I. KẾT QUẢ TIẾP NHẬN PAKN

Ngành, lĩnh vực có PAKN	Phân loại PAKN				PAKN mới tiếp nhận trong kỳ báo cáo			Thông tin nhận được về kết quả xử lý PAKN			Đăng tải công khai kết quả xử lý
	Tổng số	Chia ra			Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra		
		Số PAKN về hành vi hành chính	Số PAKN về nội dung quy định hành chính	Số PAKN cả về Hvi hành chính và quy định hành chính		Đang kiểm tra, phân loại	Đã chuyển xử lý		Đã có thông tin báo cáo về kết quả xử lý	Chưa có thông tin báo cáo về kết quả xử lý	
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Tổng số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

II. KẾT QUẢ XỬ LÝ PAKN

Ngành, lĩnh vực có PAKN	Phân loại PAKN			PAKN kỳ trước chuyển qua		PAKN mới tiếp nhận trong kỳ báo cáo				
	Tổng số	Chia ra		Thuộc thẩm quyền		Kết quả xử lý				
		Số PAKN về hành vi	Số PAKN về nội	Số PAKN cả về Hvi	Tổng số	Chia ra		Tổng số	Chia ra	
						Đang xử	Đã xử		Đang xử	Đã xử lý

		hành chính	dung quy định hành chính	hành chính và quy định hành chính		lý	lý xong		lý	xong	thuộc thẩm quyền
A	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Tổng số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

* **Ghi chú:** Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm lần 1):

Mục I: Cột 1: 0; Cột 5: 0; Cột 8: 0; Cột 11: 0

Mục I: Cột 1: 0; Cột 5: 0; Cột 8: 0; Cột 11: 0

Người lập biểu

Phan

Nguyễn Thị Kim Châu

Quy Nhơn, ngày 04 tháng 12 năm 2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Châu
Trần Châu

Biểu số 07d/BTP/KSTT/KTTH

Ban hành theo Thông tư số
05/2014/TT-BTP ngày 07/02/2014.

**TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Năm 2017

(Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/10/2017)

Đơn vị báo cáo:

UBND tỉnh Bình Định

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Kiểm soát TTHC

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết theo cấp	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng thời hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
A	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp tỉnh	224836	16936	207900	222165	222015	150	2671	2601	70	
I.	TTHC do Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp nhận, giải quyết TTHC	2898	12	2886	2897	2897	0	1	1	0	
1	Cấp Giấy chứng nhận đầu tư (GCNĐT)	12	0	12	12	12	0	0	0	0	
2	Điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư (GCNĐT)	6	0	6	6	6	0	0	0	0	
3	Chấp thuận chủ trương đầu tư	23	0	23	23	23	0	0	0	0	
4	Cấp chứng nhận đăng ký đầu tư của doanh nghiệp FDI	8	0	8	8	8	0	0	0	0	
5	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu	137	5	132	137	137	0	0	0	0	
6	Tổng hợp, phê duyệt dự án	139	4	135	139	139	0	0	0	0	
7	Thành lập và hoạt động của	2573	3	2570	2572	2572	0	1	1	0	

	doanh nghiệp										
II	TTHC do Sở Công Thương tiếp nhận, giải quyết TTHC	941	19	922	830	830	0	111	111	0	
1	Vật liệu nổ công nghiệp	35	0	35	35	35	0	0	0	0	
2	Hóa chất	1	0	1	1	1	0	0	0	0	
3	Xúc tiến thương mại	389	3	386	350	350	0	39	39	0	
4	Lưu thông hàng hóa trong nước	427	15	412	359	359	0	68	68	0	
5	Thép nhập khẩu	2	0	2	2	2	0	0	0	0	
6	An toàn thực phẩm	28	0	28	25	25	0	3	3	0	
III	TTHC do Sở Tài chính tiếp nhận, giải quyết TTHC	4515	23	4492	4478	4478	0	37	37	0	
1	Kê khai giá	2010	0	2010	2010	2010	0	0	0	0	
2	Cấp mã số đơn vị sử dụng ngân sách	37	0	37	37	37	0	0	0	0	
3	Cấp mã số đầu tư xây dựng cơ bản	2271	0	2271	2271	2271	0	0	0	0	
4	Thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành	197	23	174	160	160	0	37	37	0	
IV	TTHC do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh tiếp nhận, giải quyết	400	0	400	359	359	0	41	41	0	
1	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng	111	0	111	99	99	0	12	12	0	
2	Lĩnh vực Lao động và việc làm	129	0	129	115	115	0	14	14	0	
3	Lĩnh vực Xuất nhập khẩu (cấp CO)	01	0	01	01	01	0	0	0	0	
4	Lĩnh vực Đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài	107	0	107	97	97	0	10	10	0	
5	Lĩnh vực Môi trường	43	0	43	38	38	0	5	5	0	
6	Lĩnh vực đất đai	09	0	09	09	09	0	0	0	0	
V	TTHC do Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận, giải quyết	40	0	40	40	40	0	0	0	0	

1.	Lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân	35	0	35	35	35	0	0	0	0	
2.	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ (Cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết quả hoạt động KH&CN)	4	0	4	4	4	0	0	0	0	
3.	Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ (Cấp Giấy chứng nhận hoạt động KH&CN)	1	0	1	1	1	0	0	0	0	
VI	TTHC do Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận, giải quyết	5796	79	5717	5519	5421	98	277	227	50	
1.	Đất đai	5551	38	5513	5391	5309	82	160	125	35	
2.	Tài nguyên khoáng sản	89	37	52	53	37	16	36	21	15	
3.	Tài nguyên nước	44	01	43	15	15	0	29	29	0	
4.	Môi trường	112	03	109	60	60	0	52	52	0	
VII	TTHC do Sở Xây dựng tiếp nhận, giải quyết	1099	32	1067	947	947	0	152	152	0	
1.	Lĩnh vực quy hoạch (Quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị)	145	13	132	125	125	0	20	20	0	
2.	Lĩnh vực phát triển đô thị	2	0	2	2	2	0	0	0	0	
3.	Lĩnh vực xây dựng	943	19	924	811	811	0	132	132	0	
4.	Lĩnh vực quản lý nhà ở và công sở	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5.	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6.	Lĩnh vực vật liệu xây dựng	9	0	9	9	9	0	0	0	0	
VIII	TTHC do Sở Y tế tiếp nhận, giải quyết	854	0	854	767	767	0	87	87	0	
1.	Cấp Chứng chỉ hành nghề được	492	0	492	427	427	0	65	65	0	

2.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc	33	0	33	33	33	0	0	0	0	
3.	Cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh	162	0	162	151	151	0	11	11	0	
4.	Cấp giấy phép hoạt động cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	167	0	167	156	156	0	11	11	0	
IX	TTHC do Sở Văn hóa, Thể thao tiếp nhận, giải quyết	800	0	800	800	800	0	0	0	0	
1.	Lĩnh vực Văn hóa	800	0	800	800	800	0	0	0	0	
2.	Lĩnh vực Thể thao	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
X	TTHC do Sở Du lịch tiếp nhận, giải quyết	94	82	12	88	88	0	6	6	0	
	Lĩnh vực Du lịch	94	82	12	88	88	0	6	6	0	
XI	TTHC do Sở Giao thông Vận tải tiếp nhận, giải quyết	15564	0	15564	15564	15564	0	0	0	0	
1	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	220	0	220	220	220	0	0	0	0	
2	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô do thay đổi nội dung, hết hạn, bị mất hoặc hư hỏng	20	0	20	20	20	0	0	0	0	
3	Cấp mới, cấp lại phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt, xe trung chuyển, xe nội bộ	5741	0	5741	5741	5741	0	0	0	0	
4	Đăng ký khai thác tuyến	93	0	93	93	93	0	0	0	0	
5	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận Việt-Lào cho phương tiện	430	0	430	430	430	0	0	0	0	
6	Cấp lại Giấy phép xe tập lái	342	0	342	342	342	0	0	0	0	
7	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biên số xe máy chuyên dùng	163	0	163	163	163	0	0	0	0	

	lần đầu										
8	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng di chuyển đến	1	0	1	1	1	0	0	0	0	
9	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng	6	0	6	6	6	0	0	0	0	
10	Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng một Sở Giao thông vận tải quản lý	16	0	16	16	16	0	0	0	0	
11	Xóa số đăng ký xe máy chuyên dùng	09	0	09	09	09	0	0	0	0	
12	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo	89	0	89	89	89	0	0	0	0	
13	Cấp lại Giấy phép lái xe	3528	0	3528	3528	3528	0	0	0	0	
14	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	4531	0	4531	4531	4531	0	0	0	0	
15	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	11	0	11	11	11	0	0	0	0	
16	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	03	0	03	03	03	0	0	0	0	
17	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp	94	0	94	94	94	0	0	0	0	
18	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	24	0	24	24	24	0	0	0	0	
19	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ	11	0	11	11	11	0	0	0	0	
20	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý	5	0	5	5	5	0	0	0	0	
21	Cấp Giấy phép lưu hành xe	79	0	79	79	79	0	0	0	0	

	quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ										
22	Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán công trình giao thông	30	0	30	30	30	0	0	0	0	
23	Thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc thẩm định thiết kế cơ sở công trình giao thông	17	0	17	17	17	0	0	0	0	
24	Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình giao thông	48	0	48	48	48	0	0	0	0	
25	Cấp phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của hệ thống đường tỉnh	22	0	22	22	22	0	0	0	0	
26	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đường nhánh đầu nối vào hệ thống đường tỉnh	18	0	18	18	18	0	0	0	0	
27	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào hệ thống đường tỉnh	13	0	13	13	13	0	0	0	0	
XII	TTHC do Sở Tư pháp tiếp nhận, giải quyết	84758	0	84758	84721	84669	52	37	17	20	
1	Công chứng	16746	0	16746	16746	16746	0	0	0	0	
2	Chứng thực	62705	0	62705	62705	62705	0	0	0	0	
3	Luật sư	4	0	4	4	4	0	0	0	0	
4	Đầu giá	117	0	117	117	117	0	0	0	0	
5	Lý lịch tư pháp	5186	0	5186	5149	5097	52	37	17	20	
XIII	TTHC do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp nhận, giải quyết	9541	0	9541	9526	9526	0	15	15	0	
1	Trồng trọt, bảo vệ thực vật	53	0	53	53	53	0	0	0	0	
2	Lâm nghiệp	127	0	127	127	127	0	0	0	0	

3	Thủy sản	8827	0	8827	8827	8827	0	0	0	0	
4	Quản lý chất lượng nông lâm sản	239	0	239	224	224	0	15	15	0	
5	Chăn nuôi, thú y	295	0	295	295	295	0	0	0	0	
XIV	TTHC do Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tiếp nhận, giải quyết	17447	16664	783	15621	15621	0	1826	1826	0	
1	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	8	8	0	8	8	0	0	0	0	
2	Lĩnh vực Người có công	11617	11122	495	9877	9877	0	1740	1740	0	
3	Lĩnh vực việc làm – an toàn lao động	89	79	10	85	85	0	4	4	0	
4	Lĩnh vực Lao động- tiền lương- bảo hiểm xã hội	5733	5455	278	5651	5651	0	82	82	0	
XV	TTHC do Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp nhận, giải quyết	77070	0	77070	77070	77070	0	0	0	0	
1.	Thành lập trung tâm ngoại ngữ - tin học	3	0	3	3	3	0	0	0	0	
2.	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học	4	0	4	4	4	0	0	0	0	
3.	Cấp phép tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học	3	0	3	3	3	0	0	0	0	
4.	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	10	0	10	10	10	0	0	0	0	
5.	Công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia	22	0	22	22	22	0	0	0	0	
6.	Công nhận trường trung học cơ sở đạt chuẩn Quốc gia	8	0	8	8	8	0	0	0	0	
7.	Công nhận trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia	2	0	2	2	2	0	0	0	0	
8.	Chuyên trường đối với học sinh trung học phổ thông	107	0	107	107	107	0	0	0	0	
9.	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên	1	0	1	1	1	0	0	0	0	
10.	Cho phép hoạt động giáo dục	1	0	1	1	1	0	0	0	0	

	đối với trường trung học phổ thông chuyên										
11.	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trường tiểu học	7	0	7	7	7	0	0	0	0	
12.	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trường trung học	14	0	14	14	14	0	0	0	0	
13.	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục mầm non	10	0	10	10	10	0	0	0	0	
14.	Hỗ trợ tiền ăn, tiền nhà ở cho học sinh trung học phổ thông ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	2169	0	2169	2169	2169	0	0	0	0	
15.	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	44	0	44	44	44	0	0	0	0	
16.	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm đối với cấp trung học phổ thông	24	0	24	24	24	0	0	0	0	
17.	Đề nghị miễn, giảm học phí cho học sinh, sinh viên	52875	0	52875	52875	52875	0	0	0	0	
18.	Xét cấp kinh phí hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh và sinh viên	3461	0	3461	3461	3461	0	0	0	0	
19.	Đăng ký dự thi trung học phổ thông quốc gia	17622	0	17622	17622	17622	0	0	0	0	
20.	Phúc khảo bài thi trung học phổ thông quốc gia	275	0	275	275	275	0	0	0	0	
21.	Đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông	4	0	4	4	4	0	0	0	0	
22.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	365	0	365	365	365	0	0	0	0	
23.	Chỉnh sửa nội dung văn bằng,	39	0	39	39	39	0	0	0	0	

	chứng chỉ										
XVI	TTHC do Sở Nội vụ tiếp nhận, giải quyết	2363	1	2362	2308	2308	0	55	55	0	
1	Thi đua – Khen thưởng	259	01	258	259	259	0	0	0	0	
2	Tôn giáo	112	0	112	76	76	0	36	36	0	
3	Văn thư – Lưu trữ	1859	0	1859	1859	1859	0	0	0	0	
4	Tổ chức nhà nước	133	0	133	114	114	0	19	19	0	
XVII	TTHC do Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận, giải quyết	99	0	99	93	93	0	6	6	0	
1	Báo chí	18	0	18	18	18	0	0	0	0	
2	Xuất bản, In, Phát hành	76	0	76	70	70	0	6	6	0	
3	Phát thanh truyền hình và Thông tin điện tử	3	0	3	3	3	0	0	0	0	
4	Bưu chính, Viễn thông	2	0	2	2	2	0	0	0	0	
XVIII	TTHC do Sở Ngoại vụ tiếp nhận, giải quyết	19	0	19	19	19	0	0	0	0	
1	Lĩnh vực Hợp tác Quốc tế	1	0	1	1	1	0	0	0	0	
2	Lĩnh vực Lãnh sự và NVNONN	18	0	18	18	18	0	0	0	0	
XIX	TTHC do Thanh tra tỉnh tiếp nhận, giải quyết	538	24	514	518	518	0	20	20	0	
1	Lĩnh vực tiếp công dân	29	0	29	29	29	0	0	0	0	
2	Lĩnh vực xử lý đơn	349	0	349	349	349	0	0	0	0	
3	Lĩnh vực giải quyết khiếu nại	149	24	149	131	131	0	17	18	0	
4	Lĩnh vực giải quyết tố cáo	11	0	11	9	9	0	2	2	0	
B	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	78208	1118	77090	74214	70760	3454	3994	3318	676	
1.	Lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường	36471	1054	35417	33810	30426	3384	2661	1995	666	
2.	Lĩnh vực Xây dựng, quản lý đô thị	11186	19	11167	10683	10660	23	503	493	10	
3.	Lĩnh vực thương mại	6436	1	6435	6145	6142	3	291	291	0	
4.	Lĩnh vực Viễn thông và	14	0	14	14	11	3	0	0	0	

	internet										
5.	Lĩnh vực Nội vụ	996	0	996	996	996	0	0	0	0	
6.	Lĩnh vực tổ chức và hoạt động hợp tác xã	6	0	6	6	6	0	0	0	0	
7.	Lĩnh vực Tư pháp - hộ tịch	9722	0	9722	9722	9722	0	0	0	0	
8.	Lĩnh vực LĐ-TB&XH	12923	41	12882	12408	12374	34	515	515	0	
9.	Lĩnh vực cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện vệ sinh ATTP	34	0	34	34	34	0	0	0	0	
10.	Lĩnh vực Giáo dục và đào tạo	41	0	41	41	41	0	0	0	0	
11.	Lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch	379	3	376	355	348	7	24	24	0	
C	TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (159 đơn vị cấp xã)	784353	119	784234	783014	782902	112	1339	1331	8	
1.	Địa chính - xây dựng	17872	2	17870	17466	17442	24	406	402	4	
2.	Tư pháp – Hộ tịch	715797	46	715751	715633	715633	0	164	164	0	
3.	Công an	24808	43	24765	24686	24686	0	122	122	0	
4.	Thương binh – Xã hội	24332	28	24304	23685	23597	88	647	643	4	
5.	Đất đai	1544	0	1544	1544	1544	0	0	0	0	
Tổng số		1087397	18173	1069224	1079393	1075677	3716	8004	7250	754	

* Ghi chú: Tổng số ước tính 02 tháng cuối trong kỳ báo cáo (đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm lần 1): Cột 3: 217479,4

Người lập biểu

Chau

Nguyễn Thị Kim Châu

Quy Nhơn, ngày 01 tháng 12 năm 2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Chau
Trần Châu

Biểu số 07g/BTP/KSTT/KTTH

Ban hành theo Thông tư số
05/2014/TT-BTP ngày
07/02/2014.

**NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI
CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐONG TRONG
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Kỳ báo cáo: Năm 2017
(Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/10/2017)

Đơn vị báo cáo:
UBND tỉnh Bình Định
Đơn vị nhận báo cáo:
Cục Kiểm soát TTHC

I. TỔNG HỢP NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

STT	Lĩnh vực, công việc giải quyết	Số lượng hồ sơ	Nguyên nhân quá hạn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Lĩnh vực đất đai	673	a1x7; a4x13; dx663	
2	Lĩnh vực Tài nguyên khoáng sản	15	dx15	
3	Lĩnh vực Lý lịch tư pháp	20	dx20	
4	Lĩnh vực địa chính xây dựng	14	a4x10, dx4	
5	Lĩnh vực môi trường	18	dx18	
6	Lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội	4	dx4	
	Tổng số:	754	a1x7; a4 x 23; d x 724	

II. CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ HẠN DO QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH

1) a1x7:

STT	Tên TTHC	Nội dung vướng mắc	Văn bản QPPL
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Lĩnh vực Đất đai	Chưa rõ ràng ở quy định về VBQPPL: Chưa rõ ràng và mâu thuẫn với nhau.	

2) a4x23:

STT	Tên TTHC	Nội dung vướng mắc	Văn bản QPPL
(1)	(2)	(3)	(4)
	I. Lĩnh vực Đất đai 13 TTHC	- 01 hồ sơ giao đất xây dựng doanh trại đại đội công binh của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh : đang làm thủ tục kiểm tra hồ sơ bồi thường và ranh giới khu đất - 01 hồ sơ gia hạn thuê đất khai thác khoáng sản titan của Công ty khoáng sản và thương mại Bình Định: chưa nộp tiền ký quỹ môi trường lần 2 - 02 hồ sơ giao đất xây dựng trường xã Phước Quang và Phước Sơn của Ban QLDA đầu tư và xây dựng Tuy Phước : đã có văn bản yêu cầu đơn vị giải trình về phần diện tích xin mở rộng - 01 hồ sơ thuê đất khai thác cát làm VLXD TT của Công ty CP tập đoàn Phúc Lộc : có văn bản phối hợp với phòng chuyên môn điều chỉnh giấy phép khai thác để có cơ sở trình hồ sơ thuê đất - 01 hồ sơ thuê đất xây dựng khu dịch vụ thể dục thể thao của Công ty thể dục thể thao Hoàng Yến : đã có văn bản đề nghị bổ sung hồ sơ giải phóng mặt bằng - 01 hồ sơ chưa có bản đồ (Công ty TNHH XD TH Thương Thảo) - 01 hồ sơ giao đất xây dựng dự án khu đô thị Bắc sông Tân An của Công ty TNHH Nam Phát: đang chờ xin ý kiến HĐND tỉnh bổ sung diện tích đất lúa còn thiếu theo danh mục năm 2017 - 03 hồ sơ đang trình UBND tỉnh (Công ty TNHH TM khoáng sản Tân Phát, Công ty CP công nghệ gỗ Đại Thành, Trung tâm phát triển quỹ đất TX.An Nhơn) - 02 hồ sơ giao đất xây dựng Khu dân cư của Trung tâm phát triển quỹ đất TX.An Nhơn: đã có văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ đấu nối giao thông	
	II. Lĩnh vực địa chính xây dựng		

	10 TTHC	Cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chưa tốt	
--	---------	---	--

III. CÁC TRƯỜNG HỢP QUÁ HẠN DO NGUYÊN NHÂN KHÁC

1. d x 724

I	Lĩnh vực Tài nguyên khoáng sản	
	15 TTHC	- 01 Doanh nghiệp được ủy ban cho phép chậm nộp tiền cấp quyền khai thác - 04 Doanh nghiệp chậm bổ sung hồ sơ để tính tiền cấp quyền khai thác - 02 Cty chưa thực hiện đầy đủ theo yêu cầu của hồ sơ gia hạn, hura nộp thuế tại địa phương - 04 hồ sơ đang trình Bộ TN&MT bàn giao khu vực phân tán nhỏ lẻ - 01 hồ sơ Bộ TN&MT yêu cầu không gia hạn - 01 hồ sơ đã trình UBND tỉnh - 01 hồ sơ Doanh nghiệp xin điều chỉnh dự án khai thác và xin hoãn nộp tiền cấp quyền - 01 hồ sơ Doanh nghiệp chậm nộp chỉnh sửa theo ý kiến thành viên Hội đồng
II	Lĩnh vực Đất đai	
1	663 TTHC	- 02 hồ sơ chờ đơn giá của UBND tỉnh. - 02 hồ sơ chờ ý kiến cơ quan liên quan. - 05 hồ sơ chờ thông báo thuế. - 10 hồ sơ đơn vị chậm bổ sung hồ sơ theo yêu cầu của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh. - 03 hồ sơ người dân chậm thực hiện nghĩa vụ tài chính - 641 hồ sơ Công dân chưa thực hiện hoặc thực hiện nghĩa vụ tài chính muộn; công dân không bổ sung đủ hồ sơ theo yêu cầu; liên hệ công dân xác minh thực tế hồ sơ không được; điều chỉnh lại ranh giới địa chính; thẩm định hồ sơ chậm
III	Lĩnh vực Lý lịch tư pháp	
	20 TTHC	Trung tâm lý lịch tư pháp quốc gia chậm cung cấp thông tin
IV	Lĩnh vực Địa chính – xây dựng	
	04 TTHC	Do thẩm định hồ sơ còn chậm; vướng quy hoạch, vi phạm lộ giới

V Lĩnh vực môi trường		
	18 TTHC	Thẩm định hồ sơ chậm
VI Lĩnh vực lao động, thương binh và xã hội		
	04 TTHC	Do xác minh hồ sơ chậm

Người lập biểu

Khau

Nguyễn Thị Kim Châu

Quy Nhơn, ngày 01 tháng 12 năm 2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

CHỖ CHỦ TỊCH



Trần Châu
Trần Châu